

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI



VĂN KIẾN
CHƯƠNG TRÌNH VÙNG BA TƠ

Giai đoạn thực hiện
Từ tháng 3/2024 - 30/9/2027

Ba Tơ, ngày 28.. tháng 3 năm 2024



PHỤ LỤC I
NỘI DUNG VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT
SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số:/TTr-UBND ngày ... tháng 3 năm 2024
của UBND huyện huyện Ba Tơ)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

- 1. Tên chương trình:** Chương trình vùng Ba Tơ
- 2. Đơn vị tài trợ:** Tổ chức World Vision Pháp và World Vision Hoa Kỳ thông qua Văn phòng Đại diện Tổ chức World Vision International – Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (sau đây viết tắt là WVI).
- 3. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:** Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.
- 4. Cơ quan chủ quản:** Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.
- 5. Chủ chương trình:** Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ.
- 6. Thời gian thực hiện:** Từ tháng 3/2024 đến ngày 30/9/2027.
- 7. Địa điểm thực hiện:** Tại 06 xã: Ba Ngạc, Ba Xa, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Lễ và Ba Nam của huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi
- 8. Tổng vốn chương trình dự kiến:**
 - a) Vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài không hoàn lại từ Tổ chức WVI (dự kiến): **1.494.000 USD** (Một triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn Đô la Mỹ), tương đương **35.915.760.000 VNĐ** (Ba mươi lăm tỷ, chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) - (đã bao gồm chi phí quản lý chương trình), (tỷ giá 1 USD = 24.020 VNĐ, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 14/11/2023), bao gồm:
 - Tiền mặt: **1.494.000 USD** (Một triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn Đô la Mỹ), tương đương **35.915.760.000 VNĐ** (Ba mươi lăm tỷ, chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).
 - Hiện vật: Không
 - b) Vốn đối ứng dự kiến (từ nguồn ngân sách địa phương): Không
 - c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:
 - Chủ dự án:
 - Tiền mặt: Không
 - Hiện vật: Không
 - Bên tài trợ:
 - + Tiền mặt: **1.494.000 USD** (Một triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn Đô la Mỹ), tương đương **35.915.760.000 VNĐ** (Ba mươi lăm tỷ, chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Hiện vật: Không

d) Vốn viện trợ: Thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước.

9. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của chương trình

9.1. Mục tiêu chương trình: Hướng đến cải thiện bền vững an sinh trẻ em, đặc biệt là trẻ em dễ bị tổn thương nhất tại huyện Ba Tơ thông qua các can thiệp của Dự án Bảo vệ trẻ em và Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em, Dự án Y tế và Dinh dưỡng, Dự án Sinh kế và Dự án Huy động nguồn lực của cộng đồng và Kế hoạch Bảo trợ trẻ em.

9.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Dự án Bảo vệ trẻ em và Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em:** Trẻ em gái và trẻ em trai được bảo vệ khỏi tất cả các hình thức xâm hại bạo lực và được tham gia vào các quá trình ra quyết định

- **Dự án Y tế và Dinh dưỡng:** Giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn và bệnh tật ở trẻ em dưới 5 tuổi

- **Dự án Sinh kế:** Hộ gia đình có thu nhập bền vững để đáp ứng an sinh trẻ em

- **Dự án Huy động nguồn lực của cộng đồng và Kế hoạch Bảo trợ trẻ em:** Xây dựng cộng đồng ở đó trẻ em được tin tưởng và được quan tâm chăm sóc.

Ba Tơ, ngày 28 tháng 3 năm 2024

ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP VIỆN TRỢ

TỔ CHỨC WVI



THÂN THỊ HÀ

Giám đốc Vận hành các chương trình

UBND HUYỆN BA TƠ

PHÓ CHỦ TỊCH



Lữ Đình Tích

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ HÌNH THÀNH CHƯƠNG TRÌNH.....	5
1. Cơ sở pháp lý.....	5
2. Bối cảnh của chương trình.....	5
3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ chương trình:	6
4. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình:	6
II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ.....	6
1. Khái quát về Tổ chức WVI và tính phù hợp của mục tiêu chương trình và định hướng nhà tài trợ.....	7
2. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.	7
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	7
VI. NHỮNG CẦU PHẢN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN.....	8
1. Mục đích.....	8
2. Các kết quả dự kiến của chương trình.....	8
3. Tổ chức thực hiện.....	9
V. NGÂN SÁCH CHƯƠNG TRÌNH	10
1. Tổng ngân sách của chương trình dự kiến.....	10
2. Cơ cấu vốn.....	10
3. Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ:	20
VI. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	20
VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	20
1. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban quản lý chương trình:.....	20
2. Hoạt động của UBND huyện (thông qua Ban Quản lý Chương trình):	21
3. Hoạt động của Văn phòng Chương trình vùng tại huyện:.....	21
VIII. THEO DÕI, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH.....	22
1. Kế hoạch theo dõi, đánh giá thực hiện chương trình.....	22
2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện dự án.....	22
3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án.....	22
4. Cơ chế báo cáo.....	22
IX. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH	22

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÙNG BA TƠ

I. CĂN CỨ HÌNH THÀNH CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài danh cho Việt Nam;

Thông tư số 23/2022/QĐ-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Văn bản Thỏa thuận giữa Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ngãi và Tổ chức World Vision International (WVI) Hoa kỳ - Văn phòng đại diện tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổ chức WVI), ký ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc hợp tác thực hiện các chương trình vùng do Tổ chức WVI tài trợ tại tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 01/01/2024 - 30/9/2027;

Căn cứ Thư thông báo ngân sách tài trợ cho Chương trình vùng Ba Tơ tại tỉnh Quảng Ngãi ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tổ chức WVI.

2. Bối cảnh của chương trình

Ba Tơ là một huyện miền núi vùng cao nằm về phía Tây Nam của tỉnh Quảng Ngãi, có diện tích tự nhiên 113.795,69 ha và tổng diện tích 1.137,56 km². Phía Đông giáp huyện Đức Phổ, phía Nam giáp huyện An Lão thuộc tỉnh Bình Định, phía Tây giáp huyện Kon Plông thuộc tỉnh Kom Tum và huyện Kbang thuộc tỉnh Gia Lai, phía Bắc giáp 03 huyện: Nghĩa Hành, Minh Long và Sơn Hà của tỉnh Quảng Ngãi.

Về địa giới hành chính, Ba Tơ có 18 xã và 01 thị trấn, là một trong những huyện miền núi có diện tích lớn nhất tỉnh hiện nay. Dân số hiện nay khoảng 63.563 người, trong đó dân tộc Hre chiếm trên 83,8%, còn lại chủ yếu là người Kinh, và có mật độ dân số khoảng 55 người/ km².

Kinh tế của huyện có sự tăng trưởng với cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu tại trung tâm huyện và các xã; nông, lâm nghiệp từng bước phát triển theo hướng hàng hóa, việc phát triển cây trồng, vật nuôi là có lợi thế của huyện thu được kết quả bước đầu.

Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện trung bình cuối năm 2023 là 23,55%; trong đó: tỷ lệ nghèo ở các xã được chọn là Ba Lễ, Ba Xa, Ba Nam, Ba Ngạc, Ba Dinh, và Ba Tô vẫn còn

khá cao, với tỷ lệ lần lượt là 38,63%, 38,43%, 31,38%, 28,91%, 20,17% và 19,22%. Đa số người dân sống bằng nghề nông, lâm nghiệp. Nguồn thu nhập của Ba Tơ chủ yếu thiên về rừng, nhưng lại có địa hình phức tạp, núi non hiểm trở, giao thông đi lại thông suốt đến các xã, tuy nhiên vào mùa mưa lũ thì việc đi lại vẫn còn gặp không ít khó khăn do nước ngập và sạt lở núi đồi làm ách tắc giao thông gây nguy hiểm đến tính mạng con người cũng như khâu vận chuyển hàng hóa đến các thôn ở những xã vùng cao vùng xa.

Tuy nhiên, do địa bàn cũng như xuất phát điểm của người dân trên huyện thấp, nên đời sống kinh tế cũng như phát triển xã hội của địa phương đang còn gặp những khó khăn, thách thức và cần sự chung tay vào cuộc của các cơ quan, ban ngành để từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân toàn huyện, đặc biệt các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ chương trình:

Trong quá trình khảo sát, tổng hợp thông tin tại thực địa, Tổ chức WVI cùng với các ngành của huyện Ba Tơ, 06 xã dự án và cộng đồng địa phương đã xác định được 04 vấn đề quan tâm liên quan đến an sinh trẻ em (ASTE) tại 06 xã, cụ thể:

- a) **Quan tâm 1:** Trẻ em bị suy dinh dưỡng và bị các loại bệnh thường gặp.
- b) **Quan tâm 2:** Trẻ em sống trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp, hộ nghèo, v.v.
- c) **Quan tâm 3:** các vấn đề liên quan đến an toàn của trẻ em trong gia đình, cộng đồng và nhà trường như: bạo lực gia đình, thiếu sự quan tâm của cha mẹ, tảo hôn, bỏ học, lao động sớm, nguy cơ bị tai nạn thương tích (tai nạn giao thông, đuối nước), nguy cơ bạo lực học đường và bạo lực trên môi trường mạng, nguy cơ bị xâm hại và bị tổn thương về mặt thể chất và tinh thần, v.v.

- d) **Quan tâm 4:** Trẻ em sống trong vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Vì vậy, trong khuôn khổ của Chương trình, Tổ chức WVI cùng với các ngành của huyện Ba Tơ, 06 xã dự án và cộng đồng địa phương thống nhất sẽ tập trung giải quyết 04 vấn đề quan tâm trên để góp phần cải thiện bền vững an sinh trẻ em, đặc biệt là trẻ em dễ bị tổn thương nhất.

4. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình:

Trẻ em dễ bị tổn thương nhất trong cộng đồng, trẻ bảo trợ, trẻ em và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Đối tượng hưởng lợi (dự kiến)	Nữ		Nam	
	Trẻ em gái (dưới 18 tuổi)	Trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên)	Trẻ em trai (dưới 18 tuổi)	Trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên)
Hưởng lợi trực tiếp	1.900	1.000	1.900	1.000
Người hưởng lợi gián tiếp	3.309	8.642	3.226	8.487

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ

1. Khái quát về Tổ chức WVI và tính phù hợp của mục tiêu chương trình và định hướng nhà tài trợ

1.1. Khái quát về tổ chức WVI

Tổ chức WVI là tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động thông qua các chương trình cứu trợ, phát triển và vận động chính sách nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng, đặc biệt là trẻ em và người có hoàn cảnh khó khăn.

Tổ chức WVI bắt đầu có hoạt động ở Việt Nam từ năm 1988. Hiện tại, Tổ chức WVI đang triển khai 25 Chương trình vùng (CTV) và 10 dự án đặc biệt tại 14 tỉnh/thành phố của Việt Nam, giúp cho khoảng ba triệu trẻ em được hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp mỗi năm.

1.2. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình và định hướng nhà tài trợ

Mô hình Chương trình vùng được Tổ chức WVI triển khai tập trung vào sự phát triển bền vững, sự tham gia và việc làm chủ của cộng đồng, và để giải quyết những nguyên nhân gốc rễ của đói nghèo. Chương trình vùng được triển khai trong phạm vi một huyện hành chính thông qua cách tiếp cận lồng ghép với thời gian dài từ 10-15 năm. Dự án đặc biệt tập trung vào một chủ đề và có thời gian ngắn từ 01 đến 03 năm.

Chương trình vùng Ba Tư được thiết kế trên cơ sở đề xuất của chính quyền địa phương nhằm giải quyết các khó khăn mà huyện đang gặp phải về an sinh trẻ em, phát triển kinh tế - xã hội. Mục đích của chương trình hướng tới là nhằm cải thiện an sinh trẻ em bền vững, đặc biệt là đối tượng trẻ dễ bị tổn thương nhất thông qua các dự án của chương trình. Trong giai đoạn từ tháng 3/2024 – ngày 30/9/2027 chương trình tập trung vào: Bảo vệ trẻ em và Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em, Sức khỏe và Dinh dưỡng, Sinh kế bền vững, và Huy động nguồn lực của cộng đồng và Kế hoạch Bảo trợ trẻ em.

2. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

Tổ chức WVI đã phối hợp với Chính phủ, người dân Việt Nam, cùng các tổ chức phi chính phủ quốc tế khác trong việc thực hiện các chương trình cứu trợ, phát triển và vận động thực thi hiệu quả các chính sách ở các cộng đồng còn đang gặp nhiều khó khăn. Sự cam kết minh bạch về quản lý ngân sách theo các chuẩn mực của tổ chức và quản lý chặt chẽ ngân sách chương trình là yêu cầu tối quan trọng để ngăn chặn hiện tượng tham nhũng, lãng phí trong quá trình sử dụng các nguồn quỹ. Tổ chức WVI có yêu cầu đạt được các mục tiêu và kết quả của Chương trình trong khung thời gian đã được thỏa thuận và đảm bảo thực hiện một cách hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phát triển cho cộng đồng.

Khả năng đáp ứng các điều kiện của phía Việt Nam: mục tiêu và các kết quả dự án, cũng như các yêu cầu của Tổ chức WVI phù hợp với chủ trương, chính sách và ưu tiên của tỉnh, huyện trong các lĩnh vực phát triển bền vững. Do vậy, Tổ chức WVI hoàn toàn tin tưởng vào khả năng hợp tác và triển khai hiệu quả dự án tại địa phương.

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Hướng đến góp phần cải thiện chất lượng bền vững an sinh trẻ em, đặc biệt là trẻ em dễ bị tổn thương nhất tại huyện Ba Tư thông qua các can thiệp của Dự án Bảo vệ trẻ em và Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em, Dự án Y tế và Dinh dưỡng, Dự án Sinh kế và Dự án Huy động nguồn lực của cộng đồng và Kế hoạch Bảo trợ trẻ em.

- Góp phần Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi 06 xã dự án vào năm 2027:
- + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi từ 27,2% xuống 22%.
- + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi từ 46,5% xuống 30%.
- Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của 06 xã dự án từ 29,62% xuống còn 10,5% vào năm 2027.
- Góp phần đạt được 95% trẻ em trong vùng dự án có kỹ năng bảo vệ bản thân trước các hình thức xâm hại, bạo lực học đường, tai nạn thương tích....
- Góp phần đạt được 100% đối tác địa phương được tăng cường năng lực về quản lý, vận hành chương trình/dự án có hiệu quả.

IV. NHỮNG CÂU PHẢN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Mục đích

- **Dự án Y tế và Dinh dưỡng:** Giảm tình trạng nhiễm khuẩn và bệnh ở trẻ dưới 5 tuổi.
- **Dự án Bảo vệ trẻ em và Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em:** Trẻ em gái và trẻ em trai được bảo vệ khỏi tất cả các hình thức xâm hại bạo lực và được tham gia vào các quá trình ra quyết định.
- **Dự án Sinh kế:** Hộ gia đình có thu nhập bền vững để đáp ứng an sinh trẻ em
- **Dự án Huy động nguồn lực của cộng đồng và Kế hoạch Bảo trợ trẻ em:** Xây dựng cộng đồng ở đó trẻ em được tin tưởng và được quan tâm chăm sóc.

2. Các kết quả dự kiến của chương trình

Dự án Y tế và Dinh dưỡng

- Chất lượng chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai;
- Nước sạch, vệ sinh môi trường (NSVSMT) và vệ sinh cá nhân (VSCN) để ngăn ngừa bệnh tật ở trẻ;
- Triển khai và thực thi các chính sách liên quan đến sức khỏe, dinh dưỡng và NSVSMT và VSCN.

Dự án Bảo vệ trẻ em và thúc đẩy sự tham gia của trẻ em

- Trẻ em nữ và trẻ em nam, đặc biệt là những trẻ dễ bị tổn thương nhất, có năng lực và tiếng nói để bảo vệ bản thân và bạn bè khỏi mọi hình thức bạo lực;
- Cộng đồng, bao gồm cha mẹ và người chăm sóc, thể hiện các hành vi chứng minh một môi trường chăm sóc và bảo vệ cho tất cả các trẻ em nữ và trẻ em nam, đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất;
- Triển khai và thực thi các chính sách liên quan đến Bảo vệ trẻ em (BVTE).
- Các cơ chế Bảo vệ trẻ em chính thức và không chính thức được tăng cường để hợp tác hiệu quả trong việc cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em có chất lượng nhằm bảo vệ hầu hết trẻ em để bị tổn thương trước mọi hình thức bạo lực;
- Tăng cường trách nhiệm giải trình và thực thi chính sách đối với BVTE.

Dự án Sinh kế:

- Cải thiện sinh kế bền vững và thu nhập cho các hộ gia đình và cộng đồng;
- Tiếp cận của các hộ gia đình với các nhóm tiết kiệm để phát triển sinh kế bền vững;
- Cải thiện tiếp cận thị trường và khả năng cạnh tranh cho hộ gia đình.

Dự án Huy động nguồn lực của cộng đồng và Kế hoạch Bảo trợ trẻ em

- Tăng cường năng lực cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Ban Quản lý Chương trình huyện/xã, Ban phát triển thôn và Cộng đồng lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và rà soát các can thiệp
- Các đối tác trong cộng đồng vận dụng bảo trợ trẻ em để chăm sóc trẻ em; mang đến những trải nghiệm phong phú cho cuộc sống của tất cả trẻ em trai và trẻ em gái, các gia đình, cộng đồng và nhà bảo trợ

3. Tổ chức thực hiện

UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban ngành, UBND 06 xã dự án: Ba Ngạc, Ba Xa, Ba Tô, Ba Đình, Ba Lễ, và Ba Nam và cộng đồng hợp tác với Tổ chức WVI trong quá trình lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá chương trình nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động.

3.1. Thời gian bắt đầu dự án: Từ tháng 3/2024 đến ngày 30/9/2027.

Thời gian thực hiện Chương trình sẽ bắt đầu có hiệu lực ngay sau khi có Quyết định phê duyệt tiếp nhận Chương trình của cơ quan chủ quản đến 30 tháng 9 năm 2027.

3.2 Dự kiến nguồn lực:

a. Về nhân sự:

- Tổ chức WVI sẽ có một nhóm quản lý và kỹ thuật thực hiện gồm: 01 quản lý chương trình/dự án; 01 kế toán, 01 điều phối viên chương trình vùng, 01 điều phối viên bảo trợ và 03 điều phối viên phát triển cộng đồng; và một số nhân viên kỹ thuật của Tổ chức WVI cũng sẽ thường xuyên đến hỗ trợ.

- Tại cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện Ba Tư là đối tác chính và sẽ thành lập Ban quản lý Chương trình vùng tham gia trong quá trình triển khai dự án.

- Tại cấp xã: UBND mỗi xã thành lập Ban quản lý Chương trình vùng cấp xã để điều phối triển khai các hoạt động, dự án thuộc Chương trình vùng tại xã và cộng đồng.

b. Về tài chính:

Tổng ngân sách Chương trình là 1.494.000 USD (Một triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn Đô la Mỹ), tương đương 35.915.760.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ, chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) - bao gồm các chi phí trực tiếp và gián tiếp (hành chính, quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả chất lượng Chương trình).

V. NGÂN SÁCH CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng ngân sách của chương trình dự kiến: cho giai đoạn từ tháng 3/2024 – ngày 30/9/2027 là 1.494.000 USD.

a) Vốn viện trợ phi chinh phủ nước ngoài không hoàn lại từ Tổ chức WVI (dự kiến): **1.494.000 USD** (Một triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn Đô la Mỹ), tương đương **35.915.760.000 VNĐ** (Ba mươi lăm tỷ, chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) - (đã bao gồm chi phí quản lý chương trình), (tỷ giá 1 USD = 24.020 VNĐ, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 14/11/2023), bao gồm:

Ngân sách phân bổ theo từng năm như sau:

<u>Thời gian theo năm tài chính</u>	<u>2024</u>	<u>2025</u>	<u>2026</u>	<u>2027</u>	<u>Tổng</u>
<u>Ngân sách dự kiến (USD)</u>	373.500	373.500	373.500	373.500	<u>1.494.000</u>
<u>Ngân sách dự kiến (1.000 VNĐ)</u>	8.978.940.000	8.978.940.000	8.978.940.000	8.978.940.000	<u>35.915.760</u>

Trong đó:

Tổng kinh phí trực tiếp 4 năm (USD): 758.580 USD (Bảy trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm tám mươi Đô-la Mỹ)

Tổng kinh phí gián tiếp 4 năm (USD): 735.420 (Bảy trăm ba mươi lăm ngàn, bốn trăm hai mươi Đô – la Mỹ))

b) Vốn đối ứng dự kiến: Không

c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

+ Tiền mặt: Không

+ Hiện vật: Không

- Bên tài trợ:

+ Tiền mặt: 1.494.000 USD (Một triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn Đô la Mỹ), tương đương 35.885.880.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Hiện vật: Không

d). Vốn viện trợ: Thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước.

2. Cơ cấu vốn

a) Cơ cấu ngân sách theo hạng mục chính – USD

Số TT	Kết quả Dự án	Hàng năm	Tổng kinh phí 4 năm (2024-2027)	Ghi chú
1	Dự án Y tế và Dinh dưỡng	53.250	213.000	Chi tiết tại Phụ lục V-2b:

2	Dự án Bảo vệ trẻ em và Thúc đẩy sự tham gia của trẻ em	52.650	210.600	<i>Dự kiến phân bổ ngân sách hoạt động hàng năm</i>
3	Dự án Sinh kế	92.100	368.400	
4	Dự án Huy động nguồn lực của cộng đồng và Kế hoạch Bảo trợ trẻ em	175.500	702.000	
<u>Tổng ngân sách</u>		<u>373.500</u>	<u>1.494.000</u>	

b) Phân bổ ngân sách dự kiến cho các kết quả và hoạt động:

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ	
			USD	VND
I-MỤC TIÊU 1		DỰ ÁN Y TẾ VÀ DINH DƯỠNG Giảm tình trạng nhiễm khuẩn và bệnh ở trẻ em dưới 5 tuổi		
ĐẦU RA 1.1		Cải thiện thực hành chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai		
Kết quả 1.1.1		Nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi		
Hoạt động 1		Bồi dưỡng giáo trình tập huấn và các tài liệu liên quan về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em < 5 tuổi tại huyện	300	7.206.000
Hoạt động 2		Hỗ trợ đầu vào Câu lạc bộ Người chăm sóc trẻ và các nhóm sở thích để thực hiện các can thiệp về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em < 5 tuổi	2.160	51.883.200
Hoạt động 3		Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ địa phương về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi.	7.600	182.552.000
Hoạt động 4		Thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em thông qua truyền thông nhóm, tư vấn, thăm hộ, các chiến dịch truyền thông, hội thi, diễn đàn.	623	14.964.460

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ	
Hoạt động 5	Tổ chức các sự kiện giám sát, đánh giá các hoạt động thực hành dinh dưỡng hàng năm.	3.000	72.060.000	
Kết quả 1.1.2	Tăng cường khả năng tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong việc dự phòng và điều trị nhiễm trùng và bệnh			
Hoạt động 1	Tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ địa phương về phòng và điều trị nhiễm khuẩn và bệnh cho trẻ em dưới 5 tuổi, bao gồm chăm sóc sức khỏe tâm thần cho phụ nữ mang thai và người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	1.500	36.030.000	
Hoạt động 2	Thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi bao gồm phòng chống nhiễm khuẩn và bệnh, vi chất dinh dưỡng, tiêm chủng, tẩy giun, chăm sóc sức khỏe tâm thần, cung cấp dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.	1.200	28.824.000	
Hoạt động 3	Cung cấp vi chất dinh dưỡng cho những trẻ và bà mẹ mang thai dễ bị tổn thương nhất trong cộng đồng	1.200	28.824.000	
ĐẦU RA 1.2	Cải thiện các thực hành về nước sạch, vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân để ngăn ngừa nhiễm trùng và bệnh tật ở trẻ			
Kết quả 1.2.1	Cải thiện khả năng tiếp cận các công trình nước sạch cơ bản tại hộ gia đình, trường học và cơ sở y tế			
Hoạt động 1	Hỗ trợ đầu vào để thực hiện các sáng kiến cộng đồng về quản lý nước sạch /chất thải lỏng cho cộng đồng, trường học và cơ sở y tế.	3.740	89.834.800	
Ia - Tổng kinh phí hoạt động (kinh phí trực tiếp)		21.323	512.178.460	
Ib - Chi phí hỗ trợ hoạt động ((kinh phí gián tiếp)		31.927	766.886.540	
I = Ia + Ib: Tổng ngân sách dự án y tế - dinh dưỡng (trực tiếp + gián tiếp)		53.250	1.279.065.000	
II - MỤC TIÊU 2	DỰ ÁN BẢO VỆ TRẺ EM VÀ THÚC ĐẨY SỰ THAM GIA CỦA TRẺ EM Trẻ em được bảo vệ khỏi tất cả các hình thức xâm hại bạo lực và được tham gia vào các quá trình ra quyết định.			
Đầu ra 2.1	Trẻ em nữ và trẻ em nam, đặc biệt là những trẻ dễ bị tổn thương nhất, có năng lực và tiếng nói để bảo vệ bản thân và bạn bè khỏi mọi hình thức bạo lực.			

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ	
Kết quả 2.1.1	Tăng cường kiến thức và kỹ năng trong việc bảo vệ bản thân và bạn bè			
Hoạt động 1	Tập huấn giảng viên nguồn về các mô hình bảo vệ trẻ em, các chủ đề bảo vệ với em lỏng ghép các vấn đề về giới.		2.400	57.648.000
Hoạt động 2	Tập huấn triển khai về nuôi dưỡng giá trị sống và nhận biết giá trị bản thân cho trẻ em từ 12 -18 tuổi		510	12.250.200
Kết quả 2.1.2	Tạo điều kiện cho trẻ trong việc xây dựng mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.			
Hoạt động 1	Thành lập câu lạc bộ trẻ em và hỗ trợ sinh hoạt định kỳ.		828	19.888.560
Hoạt động 2	Tổ chức các diễn đàn dành cho trẻ em bao gồm các buổi truyền thông, các sự kiện công cộng trong cộng đồng và trường học về kiến thức và kỹ năng BVTE.		1.800	43.236.000
Đầu ra 2.2	Cộng đồng, bao gồm cha mẹ và người chăm sóc, thể hiện các hành vi cung cấp một môi trường chăm sóc và bảo vệ cho tất cả trẻ em nữ và trẻ em nam, đặc biệt là những trẻ dễ bị tổn thương nhất.			
Kết quả 2.2.1	Nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cha mẹ về nuôi dạy con cái tích cực			
Hoạt động 1	Tiến hành tập huấn giảng viên nguồn cho các điều phối viên, các nhóm hỗ trợ cha mẹ về Xây dựng đình hạnh phúc cho cha mẹ và người chăm sóc trẻ về các chủ đề Bảo vệ trẻ em, nhận thức về sức khỏe tâm thần và hỗ trợ tâm lý.		1.302	31.274.040
Hoạt động 2	Tập huấn kiến thức và kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ và người chăm sóc trẻ (an toàn internet, bình đẳng giới...)		2.400	57.648.000
Kết quả 2.2.2	Tăng cơ hội thúc đẩy kết nối giữa cha mẹ và con cái.			
Hoạt động 1	Thực hiện các chiến dịch / hoạt động truyền thông về làm cha mẹ tích cực, các vấn đề bảo vệ trẻ em khác và ngăn ngừa tai nạn thương tích ở trẻ		2.400	57.648.000
Hoạt động 2	Hỗ trợ các sáng kiến cộng đồng để tạo cơ hội cho cha mẹ và con cái cùng tham gia với nhau (kể chuyện, cuộc thi, thử thách xã hội, kỷ niệm gia đình: Ngày Gia đình, Ngày Quốc tế Hạnh phúc...).		2.800	67.256.000

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ
Hoạt động 3	Hỗ trợ xây dựng không gian công cộng an toàn và thân thiện cho trẻ em	6.600	158.532.000
Đầu ra 2.3	Các cơ chế BVTE chính thức và không chính thức được tăng cường để hợp tác hiệu quả trong việc cung cấp các dịch vụ BVTE có chất lượng nhằm bảo vệ những trẻ em dễ bị tổn thương nhất khỏi mọi hình thức bạo lực.		
Kết quả 2.3.1	Tăng cường phối hợp giữa các bên chính thức và không chính thức trong việc báo cáo và ứng phó với các trường hợp bảo vệ trẻ em.		
Hoạt động 1	Đánh giá và phản ánh về công tác bảo vệ trẻ em (Phân tích bối cảnh địa phương để đánh giá chương trình giữa kỳ và cung cấp thông tin cho định hướng công tác bảo vệ trẻ em của chính quyền địa phương)	3.000	72.060.000
Đầu ra 2.4	Triển khai và thực thi các chính sách Nhà nước liên quan đến Bảo vệ trẻ em (BVTE).		
IIa - Tổng kinh phí hoạt động (kinh phí trực tiếp)		24.040	577.440.800
IIb - Chi phí hỗ trợ hoạt động (kinh phí gián tiếp)		28.610	687.212.200
II = IIa+IIb: Tổng ngân sách dự án Bảo vệ trẻ em (trực tiếp + gián tiếp)		52.650	1.264.653.000
III - MỤC TIÊU 3			
DỰ ÁN SINH KẾ Hộ gia đình có thu nhập bền vững đóng góp cho an sinh trẻ em			
Kết quả 3.1	Tăng sản lượng cho các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp bền vững		
Đầu ra 3.1.1	Hộ gia đình được trang bị các kiến thức kỹ năng về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp		
Hoạt động 1	Tổ chức tập huấn giảng viên nguồn (ToT) về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp	4.500	108.090.000
Hoạt động 2	Tổ chức tập huấn và huấn luyện cho hộ gia đình về sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp bền vững	3.900	93.678.000
Đầu ra 3.1.2	Hộ gia đình được nhận các khóa huấn luyện và nhận các hỗ trợ về an sinh		
Hoạt động 1	Tập huấn giảng viên nguồn (ToT) cho các cộng tác viên về kỹ năng hướng dẫn	1.502	36.108.080

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ
Hoạt động 2	Tập huấn kỹ thuật nông nghiệp cho hộ gia đình.	4.800	115.296.000
Hoạt động 3	Cung cấp hỗ trợ an sinh cho hộ gia đình tham gia mô hình sinh kế thoát nghèo (con giống, cây giống, vật sản xuất...)	13.500	324.540.000
Kết quả 3.2	Cải thiện sinh kế và thu nhập cho các hộ gia đình và cộng đồng		
Đầu ra 3.2.1	Thích ứng và phát triển bền vững đảm bảo an sinh trẻ em trên địa bàn các xã		
Hoạt động 1	Hộ gia đình và cộng đồng có những thay đổi tích cực về hành vi, nhận thức dựa vào nội lực	4.500	108.180.000
Hoạt động 2	Khả năng tiếp cận thị trường và dịch vụ tài chính cho các hộ gia đình mục tiêu, nhóm tiết kiệm hộ gia đình được cải thiện.	5.400	129.816.000
Hoạt động 3	Các tổ, nhóm sản xuất kinh doanh được củng cố và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo thu nhập bền vững cho hộ gia đình	12.000	288.480.000
IIIa - Tổng kinh phí hoạt động (kinh phí trực tiếp)		50.102	1.204.452.080
IIIb - Chi phí hỗ trợ hoạt động ((kinh phí gián tiếp)		41.998	1.009.631.920
III = IIIa+IIIb: Tổng ngân sách dự án sinh kế (trực tiếp + gián tiếp)		92.100	2.214.084.000
IV - MỤC TIÊU 4	DỰ ÁN HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ KẾ HOẠCH BẢO TRỢ TRẺ EM (CESP) Xây dựng cộng đồng ở đó trẻ em được tin tưởng và được quan tâm chăm sóc.		
Kết quả 4.1	Ban quản lý dự án (BQLDA) Huyện, Xã, Ban phát triển thôn và Cộng đồng lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và rà soát các can thiệp		
Đầu ra 4.1.1	Cung cấp, hỗ trợ xây dựng năng lực định kỳ cho các tổ chức địa phương theo nhu cầu ưu tiên được xác định trong Khảo sát năng lực tổ chức		
Hoạt động 1	Tận dụng các nhóm hiện có (Ban phát triển thôn, các Tổ nhóm cộng đồng) để thực hiện các hoạt động dự án	900	21.618.000
Hoạt động 2	Khảo sát năng lực tổ chức Ban phát triển thôn bản.	400	9.608.000
Hoạt động 3	Tập huấn/thúc đẩy/tư vấn/hướng dẫn/huấn luyện các cán bộ địa phương, Ban phát triển thôn (BPTT) và các thành viên dựa trên kế	1.500	36.030.000

MÃ HOẠT ĐỘNG	TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ
	<i>hoạch xây dựng năng lực được xây dựng sau khảo sát.</i>	
Đầu ra 4.1.2	Cộng đồng và cán bộ địa phương được tập huấn để xác định và giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của các yếu tố dễ bị tổn thương ở trẻ em về sức khỏe, xã hội, văn hóa và tinh thần	
Hoạt động 1	<i>Tập huấn cho cán bộ địa phương, người dân trong cộng đồng về các kỹ năng quản lý chương trình, bao gồm cả kỹ năng điều hành thông qua phương pháp tiếp cận có sự tham gia.</i>	3.000 72.060.000
Hoạt động 2	<i>Tập huấn cho các thành viên Ban phát triển thôn cách viết các dự án nhỏ.</i>	1.200 28.824.000
Hoạt động 3	<i>Hỗ trợ BPTT/Tổ nhóm dựa vào cộng đồng để thực hiện các dự án nhỏ (Nâng cấp nhà cộng đồng, làm đường bê tông thôn, công trình nước sạch, sân chơi...)</i>	6.000 144.240.000
Hoạt động 4	<i>Họp phản hồi với các bên liên quan về cách việc rà soát trẻ có hoàn cảnh đặc biệt</i>	600 14.412.000
Hoạt động 5	<i>Tiến hành rà soát và lập danh sách trẻ có hoàn cảnh đặc biệt và theo dõi sự tham gia của trẻ.</i>	1.800 43.236.000
Đầu ra 4.1.3	BQLDA huyện, xã, BPTT và người dân địa phương được xác định và tập huấn về tiến trình lập kế hoạch có sự tham gia và tập trung vào trẻ em do cộng đồng làm chủ, để cải thiện chất lượng chương trình	
Hoạt động 1	<i>Tập huấn cho cán bộ và người dân cách thực hiện tiến trình Rà soát và lập kế hoạch phát triển cộng đồng hằng năm.</i>	500 12.010.000
Hoạt động 2	<i>Tiến hành rà soát và lập kế hoạch cộng đồng sau tập huấn</i>	1.800 43.236.000
Hoạt động 3	<i>Thực hiện các hoạt động giám sát cùng với các cán bộ địa phương và các thành viên cộng đồng (bao gồm trẻ em).</i>	4.400 105.688.000
Hoạt động 4	<i>Tổ chức cuộc họp phản hồi hằng tháng/hằng quý giữa các bên để cải thiện chất lượng chương trình.</i>	900 21.618.000
Đầu ra 4.1.4	Có các cơ chế hoạt động và hòa nhập để các thành viên cộng đồng, bao gồm trẻ em gái và trẻ em trai, được thông tin và cung cấp phản hồi	

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ
Hoạt động 1	Tổ chức hướng dẫn cho người dân địa phương về cơ chế phản hồi và góp ý trong quá trình hợp tác	1.200	28.824.000
Hoạt động 2	Hỗ trợ triển khai các cơ chế phản hồi và góp ý tại cộng đồng/thôn bản; Niêm yết cơ chế phản hồi và khiếu nại, Quy tắc ứng xử và ứng phó về bảo vệ trẻ em) tại những nơi công cộng	900	21.618.000
Hoạt động 3	Tổ chức các thảo luận giữa cộng đồng và các bên liên quan để thảo luận về các bài học kinh nghiệm và sự cải thiện.	4.000	96.080.000
Kết quả 4.2	Cộng đồng vận dụng kiến thức bảo trợ trẻ em để chăm sóc trẻ em, mang đến những trải nghiệm phong phú cho cuộc sống trẻ		
Đầu ra 4.2.1	Tổ nhóm cộng đồng, các nhóm/CLB trẻ em và cộng tác viên cộng đồng được nâng cao kiến thức và kỹ năng về Bảo trợ trẻ em và đóng góp của Bảo trợ trẻ em đối với các vấn đề an sinh trẻ em.		
Hoạt động 1	Tập huấn về tiêu chuẩn bảo trợ và các vấn đề then chốt của công tác bảo trợ cho các thành viên cộng đồng bao gồm cộng tác viên và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ	600	14.412.000
Hoạt động 2	Tập huấn về cách thức theo dõi an sinh trẻ và các tiêu chuẩn bảo trợ cho các tổ nhóm cộng đồng và cán bộ địa phương (cộng tác viên cộng đồng, BPTT, BQLDA xã...).	1.000	24.020.000
Hoạt động 3	Họp phản hồi với các bên liên quan về kết quả an sinh trẻ và các vấn đề then chốt của bảo trợ.	3.000	72.060.000
Đầu ra 4.2.2	Bảo trợ trẻ em được lồng ghép trong lập kế hoạch chương trình		
Hoạt động 1	Tổ chức các hoạt động truyền thông về bảo trợ trẻ em lồng ghép với các hoạt động của chương trình cho tất cả trẻ đại diện và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ đại diện	1.500	36.030.000
Hoạt động 2	Thực hiện các sáng kiến bảo trợ (hội thi viết thư, sáng kiến truyền thông, tạp chí bảo trợ trẻ...) lồng ghép với các hoạt động khác trong chương trình/dự án.	1.000	24.020.000

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ
Hoạt động 3	Tổ chức các sự kiện/điễn đàn cho trẻ (Sinh nhật, năm mới, Trung thu, Quốc tế thiếu nhi...) lồng ghép với các hoạt động của chương trình.	15.000	360.300.000
Đầu ra 4.2.3	Trẻ đại diện được giám sát và hỗ trợ thường xuyên là một phần nỗ lực của cộng đồng trong chăm sóc và bảo vệ trẻ em.		
Hoạt động 1	Tổ chức các hoạt động theo dõi an sinh trẻ (kiểm tra sự có mặt của trẻ trong vòng 90 ngày, cập nhật về học tập và sức khỏe trong vòng 180 ngày).	2.234	53.705.360
Hoạt động 2	Hỗ trợ và can thiệp các trường hợp trẻ có hoàn cảnh đặc biệt (trẻ có biến cố gia đình, trẻ bị bệnh, trẻ ảnh hưởng nặng nề do thiên tai....)	7.200	173.088.000
Đầu ra 4.2.4	Các hoạt động lồng ghép nhằm thúc đẩy mối quan hệ với Nhà bảo trợ được triển khai đảm bảo chất lượng		
Hoạt động 1	Tổ chức hoạt động tập huấn/nâng cao năng lực/hợp phân hồi và hỗ trợ thực hiện các sản phẩm bảo trợ kỹ thuật số cho cộng tác viên, cán bộ địa phương, các thành viên cộng đồng và thanh thiếu niên.	1.500	36.030.000
Hoạt động 2	Định hướng/ Tập huấn/ Hợp phân hồi và hỗ trợ về các sản phẩm bảo trợ đối với cộng tác viên thôn bản, cán bộ địa phương, các thành viên cộng đồng và thanh thiếu niên	1.000	24.020.000
Hoạt động 3	Hỗ trợ trẻ thực hiện các hoạt động giao lưu, chia sẻ với nhà bảo trợ: Truyền thông bảo trợ lồng ghép Trung Thu, Tết Thiếu nhi, kỹ năng sống, diễn đàn trẻ em...	3.000	72.060.000
Hoạt động 4	Các hoạt động hỗ trợ cập nhật sự tiến bộ của trẻ	13.500	324.540.000
Kết quả 4.3	Tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng để ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu		
Đầu ra 4.3.1	Tăng cường năng lực của cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.		
Hoạt động 1	Tiến hành tập huấn ToT về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng/Giảm nhẹ rủi ro thiên tai - Ứng phó với biến đổi khí hậu cho thành viên Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở cấp huyện và xã.	1.500	36.060.000

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ	
Hoạt động 2	Tập huấn về thiên tai, đánh giá rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu/tính dễ bị tổn thương cho các thành viên cộng đồng	1.600	38.432.000	
Hoạt động 3	Tiến hành xây dựng/cập nhật các kế hoạch phòng chống thiên tai của cộng đồng/Kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và các phương án ở các cấp độ rủi ro khác nhau - hỗ trợ để thực hiện các sáng kiến phòng chống thiên tai/thích ứng với biến đổi khí hậu khả thi như dự trữ vật tư thiết yếu.	1.500	36.030.000	
Hoạt động 4	Hỗ trợ cho việc thực hiện các sự kiện truyền thông, các sự kiện (biểu diễn văn nghệ, đóng kịch; xây dựng các bản tin trên đài phát thanh / truyền hình địa phương), áp phích / pano/ biển báo (tập trung vào các loại rủi ro thiên tai thường xảy ra, rủi ro biến đổi khí hậu ở các địa phương; các biện pháp giảm thiểu rủi ro; cách diễn giải/áp dụng các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo sớm vào tình hình thực tế của địa phương.	1.400	33.628.000	
Đầu ra 4.3.2	Tăng cường năng lực của các ban, ngành liên quan để có thể nhanh chóng ứng phó với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu			
Hoạt động 1	Hỗ trợ các trang thiết bị cơ bản các Đội Xung kích phòng chống thiên tai (PCTT) cấp xã/thôn.	2.400	57.648.000	
Hoạt động 2	Hỗ trợ cho các Đội Xung kích PCTT về các nội dung như dự báo/cảnh báo sớm, cứu hộ và sơ cấp cứu, đánh giá về thiệt hại - nhu cầu; Cung cấp thiết bị cứu hộ cơ bản và bộ dụng cụ sơ cứu cho (RRTs) - Thực hiện diễn tập.	2.400	57.648.000	
Hoạt động 3	Tổ chức tập huấn/hội thảo với các bên liên quan (các chủ thể liên quan ở cấp huyện và cấp xã) về ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu-phòng ngừa rủi ro thiên tai vào quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	1.500	36.030.000	
Hoạt động 4	Quỹ dự phòng phòng hỗ trợ ứng phó khẩn cấp với thiên tai và biến đổi khí hậu	2.246	53.993.840	
IVa - Tổng kinh phí hoạt động (kinh phí trực tiếp)		94.180	2.264.087.200	
IVb - Chi phí hỗ trợ hoạt động ((kinh phí gián tiếp)		81.320	1.954.932.800	
IV - IVa + IVb: Tổng ngân sách dự án CESP (trực tiếp + gián tiếp)		175.500	4.219.020.000	

MÃ HOẠT ĐỘNG		TÊN DỰ ÁN, MỤC TIÊU, KẾT QUẢ, ĐẦU RA, HOẠT ĐỘNG	NGÂN SÁCH TÀI TRỢ	
TỔNG HÀNG NĂM	KINH PHÍ TRỰC TIẾP = Ia + IIa + IIIa + IVa	189.645	4.559.065.800	
	KINH PHÍ GIÁN TIẾP = Ib + IIb + IIIb + IVb	183.585	4.413.383.400	
	TỔNG KINH PHÍ HÀNG NĂM = I + II + III + IV	373.500	8.979.012.120	
CẢ GIAI ĐOẠN (2023-2027)	KINH PHÍ TRỰC TIẾP = (Ia + IIa + IIIa + IVa) x 4	758.580		
	KINH PHÍ GIÁN TIẾP = (Ib + IIb + IIIb + IVb) x 4	735.420		
	TỔNG KINH PHÍ HÀNG NĂM = (I + II + III + IV) x 4	1.494.000 0	35.915.760.000	
Ghi chú: Hoạt động và ngân sách chi tiết được điều chỉnh theo nhu cầu thực tế dựa trên kết quả lập kế hoạch cộng đồng hàng năm				

3. Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ:

Theo quy định của Nghị định 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Thông tư số 23/2022/QĐ-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Theo quy định tài chính của Tổ chức WVI và tuân thủ theo yêu cầu của nhà tài trợ.

VI. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Tổ chức WVI tại Việt Nam trực tiếp quản lý nguồn vốn viện trợ cam kết cho Chương trình trên cơ sở phối hợp với UBND huyện (thông qua BQLCT) để triển khai các hoạt động của Chương trình.

- Hình thức giải ngân: Qua tài khoản của Tổ chức WVI tại Việt Nam.
- Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán: Kế Toán, Kiểm Toán Tổ chức WVI tại Việt Nam.
- Trách nhiệm quản lý vốn: Sử dụng tài khoản của Tổ chức WVI tại Việt Nam. Tổ chức WVI tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ, chứng từ của Chương trình Vùng cho UBND huyện Ba Tơ sau khi kết thúc khoản viện trợ, để UBND huyện thực hiện thủ tục ghi thu, ghi chi, quản lý tài chính đảm bảo theo đúng quy định.
- Kiểm toán dự án: Chương trình sẽ chịu Kiểm toán độc lập của Tổ chức WVI tại Việt Nam và kiểm toán độc lập của nhà tài trợ khi có yêu cầu.

VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban quản lý chương trình:

Ngay sau khi Văn kiện chương trình vùng được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt, UBND huyện Ba Tơ sẽ tổ chức thành lập 01 Ban quản lý chương trình (BQLCT) huyện

và 06 BQLCT tại 06 xã dự án (*Ba Ngạc, Ba Xa, Ba Tô, Ba Đình, Ba Lễ và Ba Nam*). BQLCT huyện và cấp xã sẽ bao gồm đại diện Lãnh đạo các ban ngành liên quan (UBND huyện, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Công an huyện, Phòng Nội vụ, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, Phòng Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, v.v...). UBND huyện (thông qua BQLCT) có trách nhiệm chỉ đạo các ban ngành và cộng đồng hợp tác với Tổ chức WVI trong quá trình lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá chương trình nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động.

2. Hoạt động của UBND huyện (thông qua Ban Quản lý Chương trình):

• Điều hành, lập kế hoạch:

- UBND huyện (thông qua BQLCT) có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, ban ngành và cộng đồng hợp tác với Tổ chức WVI trong việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá chương trình nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động, đảm bảo tính minh bạch theo quy định của Chương trình, giải quyết các vấn đề phát sinh và chia sẻ các bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai.
- Ủng hộ và chỉ đạo các cơ quan, ban ngành liên quan điều chỉnh, xây dựng chính sách văn bản phù hợp để cải thiện an sinh trẻ em bền vững.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thăm và làm việc của nhà tài trợ, nhà tư vấn, nhân viên trong và ngoài nước của Tổ chức WVI.
- Huy động sự tham gia và đóng góp các nguồn lực địa phương nhằm đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của Chương trình.
- **Báo cáo:** Tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và cập nhật thông tin hoạt động định kỳ hàng quý, 06 hàng và hàng năm.
- **Giám sát:** Định kỳ hàng quý Chương trình vùng Ba Tư sẽ phối kết hợp với Đại diện BQLCT vùng huyện Ba Tư và UBND cấp xã tổ chức thực hiện giám sát hiệu quả hoạt động tại thực địa và thường được tổ chức trước khi diễn ra các cuộc họp định kỳ của BQLCT vùng huyện ít nhất là 01 tuần và một số trường hợp đột xuất khác khi các bên sắp xếp được.

3. Hoạt động của Văn phòng Chương trình vùng tại huyện:

a) **Lập kế hoạch:** Phối hợp và hỗ trợ với Ban quản lý Chương trình vùng của huyện trong việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá chương trình nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động, đảm bảo tính minh bạch theo quy định của Chương trình, giải quyết các vấn đề phát sinh và chia sẻ các bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai.

b) **Báo cáo:** Thường xuyên chia sẻ phản hồi báo cáo hàng tháng, quý, năm cho Ban quản lý chương trình vùng huyện, xã về tiến độ thực hiện Chương trình và tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và cập nhật thông tin hoạt động định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm.

c) Phối và hỗ trợ cùng ban quản lý chương trình vùng huyện, các xã và các đối tác liên quan tổ chức giám sát tiến độ thực hiện chương trình hàng tháng, quý, năm và hợp tác tổ chức các cuộc hàng hàng quý, hàng năm cùng Ban quản lý chương trình vùng theo quy định. Có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ, chứng từ của Chương trình Vùng cho UBND huyện Ba Tơ sau khi kết thúc khoản viện trợ, để UBND huyện thực hiện thủ tục ghi thu, ghi chi, quản lý tài chính đảm bảo theo đúng quy định.

VIII. THEO DÕI, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

Ban quản lý Chương trình vùng huyện, Văn phòng Chương trình vùng huyện và các đối tác liên quan phối hợp chặt chẽ với nhau để tiến hành thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình cụ thể như sau:

1. Kế hoạch theo dõi, đánh giá thực hiện chương trình

Chương trình sẽ được đánh giá kết thúc giai đoạn 1 vào tháng 9 năm 2027, là tiền đề để xây dựng kế hoạch hoạt động của chương trình trong các năm tiếp theo.

a) **Lập kế hoạch:** Căn cứ vào yêu cầu, các đối tác thực hiện sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và kế hoạch định kỳ hàng quý, hàng tháng, v.v...

b) **Thực hiện kế hoạch:** Các đối tác sẽ cử các cán bộ phụ trách để trực tiếp cùng phối hợp với các cán bộ của đối tác và của WVI để triển khai thực hiện dự án theo kế hoạch đã đặt ra.

c) **Xử lý, phản hồi thông tin:** Căn cứ vào báo cáo của các đối tác, Ủy ban Nhân dân huyện Ba Tơ sẽ thường xuyên nắm bắt tình hình triển khai hoạt động dự án ở cơ sở, đánh giá, xử lý kịp thời theo đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn. Trong trường hợp có vấn đề vượt quá chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thì báo cáo xin ý kiến nhà tài trợ hoặc/và Ủy ban Nhân dân tỉnh.

2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện dự án

a) **Khảo sát ban đầu:** sẽ được thực hiện để phân tích đánh giá theo các tiêu chí của Chương trình đề ra.

b) **Giám sát định kỳ:** Hàng năm

c) **Đánh giá kết thúc:** Năm tài chính 2027

3. **Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án:** Theo quy định của Tổ chức WVI, nhà tài trợ và của chính phủ Việt Nam.

4. Cơ chế báo cáo

Tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

UBND huyện Ba Tơ phối hợp với bên cung cấp viện trợ thực hiện chế độ báo cáo về quản lý và sử dụng vốn viện trợ theo đúng quy định của pháp luật.

IX. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. **Bền vững về kết quả:** Tăng cường tính tham gia và làm chủ của cộng đồng trong các hoạt động dự án. Chính vì vậy các kết quả của chương trình sẽ được cộng đồng duy trì và phát triển khi chương trình kết thúc.

2. Bền vững về tổ chức: Ban quản lý chương trình có sự tham gia của các ban ngành khác nhau tại địa phương. Chính vì vậy sẽ đảm bảo sự lồng ghép và hỗ trợ lẫn nhau giữa mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và mục tiêu của chương trình.

3. Bền vững về tài chính: Các kết quả của chương trình sẽ hỗ trợ địa phương đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nên sẽ được duy trì và phát triển bằng ngân sách của địa phương.

4. Bền vững về môi trường: Các hoạt động của chương trình đều hướng tới đảm bảo môi trường phát triển tốt nhất cho trẻ em, vì vậy đồng thời hỗ trợ các mục tiêu về bảo vệ và gìn giữ môi trường tự nhiên ở địa phương.

